

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 09/8/2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 160/2024/TLST-DS ngày 08/5/2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu (Ngân hàng ACB).

Trụ sở: Số 442 đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến Ph, chức danh: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Dương Đức Th - Chuyên viên.

Địa chỉ nơi công tác: Số 257 đường Trần Hưng Đạo, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình (Văn bản ủy quyền ngày 21/02/2024).

- **Bị đơn (Không yêu cầu phản tố):** Ông Phạm Tr, sinh năm 1968, bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: Số 11/12 (Nay là số 09/12) đường Nguyễn Khoa Vy, phường Võ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Phạm Tr, bà Nguyễn Thị N: Anh Phạm Quốc Th, sinh năm 1994. Địa chỉ: Số 11/12 (Nay là số 09/12) đường Nguyễn Khoa Vy, phường Võ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (Văn bản uỷ quyền ngày 08/8/2024).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Không yêu cầu độc lập):**

+ Anh Phạm Quốc Th, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Số 11/12 (Nay là số 09/12) đường Nguyễn Khoa Vy, phường Võ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1975.

+ Anh Nguyễn Phạm Ph, sinh năm 2001.

Cùng địa chỉ: Số 09/12 đường Nguyễn Khoa Vy, phường Võ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Tính đến ngày 09/8/2024 vợ chồng ông Phạm Tr, bà Nguyễn Thị N còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu (Ngân hàng ACB) tổng số tiền 2.752.410.271 đồng, trong đó: Tiền gốc 2.189.487.169 đồng, tiền lãi

trong hạn 108.766.829 đồng, tiền lãi quá hạn 432.425.301 đồng, tiền lãi chậm trả 21.730.972 đồng. Tổng số tiền nợ 2.752.410.271 đồng được tính căn cứ:

- Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 05/12/2020; Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế của Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu, có hiệu lực từ 01/3/2021 (Gọi chung là Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng); Hợp đồng cấp tín dụng số: Hue.CN.390.190821 ngày 19/8/2021; Phụ lục hợp đồng số: Hue.CN.390.190821/PL ngày 19/8/2021; Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số: Hue.CN.410.190821 ngày 19/8/2021 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu, Chi nhánh Huế và vợ chồng ông Phạm Tr, bà Nguyễn Thị N.

- Theo Hợp đồng cấp tín dụng số: Hue.CN.666.250122 ngày 25/01/2022; Khế ước nhận nợ số: 01/Hue.CN.666.250122 ngày 25/01/2022; Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số: Hue.CN.663.250122 ngày 25/01/2022; Hợp đồng cấp tín dụng số: Hue.CN.1279270.722 ngày 27/7/2022; Khế ước nhận nợ số: 01/Hue.CN.1279.270722 ngày 27/7/2022 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu, Chi nhánh Huế và vợ chồng ông Phạm Tr, bà Nguyễn Thị N.

- Theo Khế ước nhận nợ số: 05/Hue.CN.390.190821 ngày 18/02/2023; Khế ước nhận nợ số: 06/Hue.CN.390.190821 ngày 09/3/2023; Hợp đồng cấp tín dụng số: Hue.CN.2644.100323 ngày 10/3/2023; Khế ước nhận nợ số: 01/Hue.CN.2644.100323 ngày 10/3/2023; Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số: Hue.CN.2593.100323 ngày 10/3/2023 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu, Chi nhánh Huế và vợ chồng ông Phạm Tr, bà Nguyễn Thị N.

2.2. Về thời hạn thanh toán:

- Các bên đương sự thỏa thuận vào ngày 30/11/2024, vợ chồng ông Phạm Tr, bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu (Ngân hàng ACB) tổng số tiền nợ tính đến ngày 09/8/2024 là 2.752.410.271 đồng, trong đó: Tiền gốc 2.189.487.169 đồng, tiền lãi trong hạn 108.766.829 đồng, tiền lãi quá hạn 432.425.301 đồng, tiền lãi chậm trả 21.730.972 đồng.

- Đối với số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 10/8/2024 trở về sau thì vợ chồng ông Phạm Tr, bà Nguyễn Thị N còn phải liên đới tiếp tục thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận quy định tại các hợp đồng cấp tín dụng; phụ lục hợp đồng; các Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, các Khế ước nhận nợ, hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ.

- Nếu vợ chồng ông Phạm Tr, bà Nguyễn Thị N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng ACB có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: Hue.BĐCN.304.021220 ngày 04/12/2020 được ký kết giữa Ngân hàng ACB, Chi nhánh Huế và vợ chồng ông Phạm Tr, bà Nguyễn Thị N, được công chứng ngày 04/12/2020; đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 04/12/2020 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Huế; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số: Hue.BĐCN.304.021220/SĐBS-01 ngày 05/3/2021 được ký kết giữa Ngân hàng ACB, Chi nhánh Huế và vợ chồng ông

Phạm Tr, bà Nguyễn Thị N, được công chứng ngày 05/3/2021; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số: Hue.BĐCN.304.021220/SĐBS-02 ngày 19/8/2021 được ký kết giữa Ngân hàng ACB, Chi nhánh Huế và vợ chồng ông Phạm Tr, bà Nguyễn Thị N, được công chứng ngày 19/8/2021 để thu hồi nợ, bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số: 139 (Số cũ: 14-3), tờ bản đồ số 24, diện tích 236m² đất ở tại đô thị tọa lạc tại tổ 06, khu vực 02 (Số 09/12 đường Nguyễn Khoa Vy), phường Võ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế được Ủy ban Nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 19/10/2013 đứng tên ông Phạm Tr, bà Nguyễn Thị N; trang bổ sung giấy chứng nhận số 01.

+ Tài sản gắn liền với đất: Nhà 1: Diện tích xây dựng 43,2m², diện tích sàn 43,2m², tường bờ lô, trụ bê tông, mái tôn, nền gạch men, số tầng 01. Nhà 2: Diện tích xây dựng 57,1m², diện tích sàn 57,1m², tường bờ lô, trụ bê tông, mái tôn, nền gạch men, số tầng 01.

+ Ngoài tài sản như mô tả nêu trên, tài sản thế chấp còn các tài sản hình thành trong tương lai nêu trong Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: Hue.BĐCN.304.021220 ngày 04/12/2020.

- Nếu số tiền đã phát mãi tài sản thế chấp không đủ để thanh toán số tiền nợ thì ông Phạm Tr, bà Nguyễn Thị N tiếp tục thanh toán cho đến khi hết số tiền còn nợ.

2.3. Về chi phí tố tụng (Ngân hàng ACB nộp tạm ứng tại Tòa án):

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng). Các đương sự thỏa thuận vợ chồng ông Phạm Tr, bà Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền 1.200.000 đồng. Ngân hàng ACB đã nộp số tiền này nên vợ chồng ông Phạm Tr, bà Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán lại cho Ngân hàng ACB số tiền 1.200.000 đồng.

- Trả lại cho Ngân hàng ACB số tiền còn lại 3.800.000đ (Ba triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên bản giao nhận ngày 15/5/2024.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Số tiền án phí dân sự sơ thẩm phải chịu là $[(72.000.000 \text{ đồng} + (2.752.410.271\text{đ} - 2.000.0000.000\text{đ}) \times 2\%] = 87.048.205\text{đ}$. Do các bên đương sự thỏa thuận được với nhau nên được giảm 50% là $87.048.205\text{đ} : 2 = 43.524.103\text{đ}$ (Làm tròn số 43.524.000đ). Các bên đương sự thỏa thuận vợ chồng ông Phạm Tr, bà Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền 43.524.000đ.

- Trả lại cho Ngân hàng ACB số tiền tạm ứng án phí 40.887.000đ (Bốn mươi triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003951 ngày 08/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSNDTPHuế;
- Chi cục THADSTPHuế;
- Đường sự;
- Lưu án văn Toà dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thanh L